

Bản án số: **1071/2017/HNGĐ-PT**

Ngày: 30/11/2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Ông Nguyễn Khắc Vương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Đông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 103/2017/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2017 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 974/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2466/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 6130/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn R, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B1, xã TAH, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B1, xã TAH, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng NN

Địa chỉ: phường TC, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 1985 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng số 935/QĐ-NHNoCC ngày 21/8/2017.

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là ông Lê Văn R trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị T tự nguyện chung sống vào năm 1978, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TAH, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/4/2007 và về chung sống cùng gia đình ông R tại xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, cả hai ra riêng và sống tại ấp B1, xã TAH, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên gây gổ, cãi vã, không còn tin tưởng nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế và đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Do đó, ông R yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: vợ chồng ông bà có 03 người con chung là Lê Hồng A (nam) sinh năm 1979, Lê Trung Th (nam) sinh năm 1982 và Lê Thị Hồng H (nữ) sinh năm 1984 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ dân sự chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn là bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của ông R về việc kết hôn, nơi cư trú của vợ chồng, con chung và nghĩa vụ dân sự chung như trên là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì ông R có người phụ nữ khác, vợ chồng mâu thuẫn do ông R không quan tâm, chăm sóc vợ con, cộc cằn thô lỗ với bà, có lần xô xát dẫn đến việc bà phải đi nhập viện, đến năm 2016 thì vợ chồng bà ly thân nhau đến nay nhưng vẫn ở chung nhà. Bà còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: có một số tài sản chung trong đó có tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Củ Chi và có nguyện vọng được chia tài sản chung, tuy nhiên sau đó bà không nộp đơn phản tố theo quy định nên tài sản chung sẽ tự thỏa thuận.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng NN là bà Phạm Thị Kim N trình bày:

Ngân hàng có cho bà Lê Thị Hồng H vay số tiền 400.000.000 đồng, ông R và bà T có thể chấp quyền sử dụng đất để bảo lãnh cho khoản vay trên của bà H, tuy nhiên, ngân hàng không có yêu cầu gì đối với bà H, bà T, ông R trong vụ án này.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 974/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn R. Ông R được ly hôn với bà Huỳnh Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01/2007 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TAH, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: có 03 con chung tên Lê Hồng A sinh năm 1979, Lê Trung Th sinh năm 1982 và Lê Thị Hồng H sinh năm 1984. Ba con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, bà Huỳnh Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông R không rút đơn khởi kiện, bà T không rút đơn kháng cáo.

- Người kháng cáo là bà Huỳnh Thị T, đồng thời là bị đơn trong vụ án trình bày: vợ chồng bà chung sống với nhau đã gần 40 năm, trước khi nghỉ hưu ông R làm công an thường đi sớm về muộn, bà đã chăm sóc cha mẹ chồng, các con và gia đình chu toàn để chồng yên tâm công tác, nay các con ông bà đã trưởng thành, có nhà ở, có gia đình và sự nghiệp riêng; mọi việc bà làm đều có ý kiến của ông R, bà không lấy gì cho cá nhân mình nên bà không đồng ý với ý kiến của ông R cho rằng bà lấy tiền xài riêng. Năm 2015 bà phát hiện ông R có người phụ nữ khác bên ngoài và hai người vẫn tiếp tục quan hệ cho đến nay, bà rất đau khổ có tra hỏi, cần nhằn ông R nhưng không đi đánh

ghen vì sợ mất mặt, mất uy tín của chồng con và ông bà đã có sui gia, không muốn làm xấu hình ảnh gia đình. Về phía bà và ông R vẫn quan hệ vợ chồng với nhau đến tháng 4/2016 thì không còn quan hệ nữa cho đến nay nhưng cả hai vẫn sống chung một nhà, cùng lo cho các con, bà còn rất thương yêu ông R và mong mỗi vợ chồng cùng nhau nương tựa lúc tuổi già nên không đồng ý ly hôn. Bà hứa sẽ thay đổi cách sống, không cần nhằn, chăm lo cho chồng và xin ông R tha lỗi, cùng bỏ qua mọi lỗi lầm của nhau để làm lại. Bà tha thiết xin ông R và Hội đồng xét xử tạo điều kiện về thời gian cho bà có cơ hội khắc phục, sửa chữa lỗi lầm, hàn gắn lại hạnh phúc gia đình.

- Nguyên đơn là ông Lê Văn R trình bày: vợ chồng ông mâu thuẫn về kinh tế gia đình, cụ thể trước kia ông là công an huyện C, bà T mới học đến lớp 3, lúc đầu bà ở nhà nội trợ, khi bà muốn đi làm ông phải tính toán và tìm việc cho bà T mở quán ăn, rồi làm đại lý bưu điện để kiếm sống nhưng sau này bà T thu chi, quản lý tiền bạc trong nhà không rõ ràng, có lần còn mang tiền cho em trai bà T, mang tiền đi cho vay bị giứt nợ... nên ông không đồng ý; cả hai đã ly thân từ năm 2012 đến nay, ngày 17/4/2017 giữa hai vợ chồng có xảy ra xô xát nên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà T chứ không phải vì ông có quan hệ với người phụ nữ khác như lời bà T trình bày.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: ông R bà T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng NN có bà Phạm Thị Kim N đại diện vắng mặt tại phiên tòa, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung kháng cáo: quan hệ hôn nhân giữa ông R bà T là hôn nhân hợp pháp, ông R trình bày do mâu thuẫn kinh tế gia đình từ năm 2012, hai bên từng xảy ra xô xát vào ngày 17/4/2017 và không còn tiếng nói chung nên xin được ly hôn với bà T. Phía bà T xác định còn thương yêu chồng nên không đồng ý ly hôn, quá trình xét xử phúc thẩm thấy rằng bà T thực tâm mong muốn hàn gắn lại hạnh phúc gia đình và có những động thái tích cực để cải thiện mối quan hệ giữa hai vợ chồng thể hiện ở việc nhận và xin lỗi ông R trước tòa, hứa sẽ thay đổi cách sống và chăm lo cho chồng...; khi Tòa án mời các con của hai ông bà đến tòa tham khảo ý kiến về tình trạng mâu thuẫn của cha mẹ họ thì họ cho rằng tình trạng mâu thuẫn giữa cha mẹ mình chưa đến mức trầm trọng nên cũng mong muốn cha mẹ hàn gắn lại gia đình; xét thấy nên tạo điều kiện về thời gian để ông R bà T có thể hàn gắn lại hạnh phúc gia

đình do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị T làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: bà Phạm Thị Kim N là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng NN có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm; trước đó bà N đã có lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và có bản khai ngày 13/11/2017 xác định yêu cầu của ngân hàng với các đương sự trong vụ án này nên việc bà N vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Theo trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án thì ông R và bà T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1978, đến ngày 18/4/2007 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội huyện C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/CNKH, quyền số 01/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T trình bày thì mọi việc bà làm đều có ý kiến của ông R, năm 2015 ông R có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, bà biết được sự việc rất đau khổ có cần nhằn, tra hỏi ông R nhưng không đi đánh ghen vì sợ ảnh hưởng đến chồng con; mặc dù ông R phủ nhận không có việc này, nhưng có thể thấy được bà T vẫn nghĩ và giữ gìn uy tín cho chồng con mình. Xét thấy, theo bà T khai thì ông bà tự nguyện tiến đến hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 1978, bà đã chăm sóc cha mẹ chồng và các con chu toàn để ông R yên tâm công tác, ông R không có ý kiến gì về lời khai này, thể hiện ông R bà T đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc, cùng nhau gắn bó, vượt qua thăng trầm của cuộc sống để nuôi dạy con cái trưởng thành; Hiện các con sống riêng, chỉ còn hai ông bà vẫn sống chung nhà, ông R cũng đã có tuổi, rất cần sự chăm sóc của vợ con, gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T khẳng định bà còn rất thương yêu ông R, bà cũng xin ông R tha lỗi và hứa sẽ thay đổi cách sống, sửa chữa các sai lầm trong thời gian qua, chăm lo cho chồng nhiều hơn để vợ chồng cùng nhau nương tựa lúc tuổi già. Nhận thấy mâu

thuần giữa ông R bà T là có thật nhưng chưa đến mức trầm trọng, đây cũng là lần đầu ông R xin ly hôn vì vậy cũng nên tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, do đó cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông R, như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

Bà T và ông R có 03 người con chung có tên nêu trên và đều đã trưởng thành nên ông bà không có yêu cầu gì về con chung, tòa sơ thẩm không xem xét là có cơ sở.

Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: do các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 296, Điều 306, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

* Về hình thức: chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn là bà Huỳnh Thị T về mặt hình thức.

* Về nội dung: chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà Huỳnh Thị T. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 974/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Văn R về việc xin ly hôn bà Huỳnh Thị T.

2. Về án phí :

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.000 đồng ông Lê Văn R chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0006480 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Văn R đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Huỳnh Thị T không phải chịu, hoàn lại cho bà Huỳnh Thị T tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007225 ngày 01/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND huyện C;
- UBND xã Tân An Hội, huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương